| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ T**<br>**TỈNH B** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/5/2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đức và bà Nguyễn Thị Kim Dung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tỉnh B tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22/02/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-DS, ngày 16/5/2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1979 (có mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1982 (có mặt).

Đều nơi cư trú: Khu phố Dư Xá, phường Ninh Xá, thị xã T, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức Đ kết hôn cùng bà Vũ Thị H vào ngày 11/01/2002. Trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu trong thời gian ngắn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Xá, huyện T, tỉnh B (nay là UBND phường Ninh Xá, thị xã T, tỉnh B). Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương, bà H về chung sống với ông Đ ngay, vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Theo ông Đ trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và có đánh nhau 01 lần. Sau thời gian này vợ chồng sống ly thân. Đầu năm 2018 vợ chồng quay lại đoàn tụ, cuối năm 2018 vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất quan điểm sống nên vợ chồng lại tiếp tục xảy cãi nhau và bà H đã bỏ về nhà đẻ

ở và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Trong thời gian sống ly thân ông không đến đón gọi bà H về lần nào. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên ông đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà H càng sớm càng tốt.

Theo bà H trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng và mâu thuẫn trầm trọng nhất từ đầu năm 2018, nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế và do ông Đ có biểu hiện quan hệ nam nữ bất chính nên vợ chồng lại tiếp tục đánh cãi chửi nhau; sau đó gia đình ông Đ đã đưa bà về nhà bố mẹ đẻ để cho bà ở đó và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay ông Đ xin ly hôn, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng vì các con và vì bà theo đạo Tin Lành nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Đ bà H đều xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn T Dũng, sinh ngày 17/8/2003; Nguyễn Thành T, sinh ngày 21/4/2011 và Nguyễn T H, sinh ngày 24/11/2018. Hiện nay, cháu Dũng đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Toà án xem xét; cháu T đang ở với ông Đ, cháu H đang ở với bà H. Phía ông Đ trình bày: Ly hôn, ông đề nghị HĐXX giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay, còn nếu bà H không nuôi cháu H thì ông nhận nuôi cả hai cháu là cháu T và cháu H; cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết. Phía bà H trình bày: Bà không đồng ý ly hôn, còn nếu ông Đ cương quyết ly hôn thì bà đồng ý để cho ông Đ được nuôi cả hai cháu là cháu T và cháu H; cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Ông Đ bà H đều không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

+ Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Đức Đ được ly hôn với bà Vũ Thị H.

+ Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa ông Nguyễn Đức Đ và bà Vũ Thị H: Giao cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 21/4/2011 và cháu Nguyễn T H, sinh ngày 24/11/2018 cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Ông Nguyễn Đức Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức Đ kết hôn cùng bà Vũ Thị H vào ngày 11/01/2002. Trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu trong thời gian ngắn và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Xá, huyện T, tỉnh B (nay là UBND phường Ninh Xá, thị xã T, tỉnh B). Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân giữa ông Đ bà H là hợp pháp. Quá trình chung sống ông Đ bà H đều thừa nhận: Từ năm 2010 đến đầu năm 2018 vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng; nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, kinh tế và do bà H nghi ngờ ông Đ có biểu hiện quan hệ nam nữ bất chính nên vợ chồng thường xuyên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ đã được gần 05 năm, bà H không đồng ý ly hôn không phải là tình cảm vợ chồng vẫn còn mà bà vì các con và bà theo đạo Tin Lành. Từ nhận định trên, HĐXX đã đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn vợ chồng ông Đ bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ và xử cho ông Đ được ly hôn với bà H là phù hợp Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Xác nhận ông Đ bà H có 03 con chung là Nguyễn T Dũng, sinh ngày 17/8/2003; Nguyễn Thành T, sinh ngày 21/4/2011 và  Nguyễn T H, sinh ngày 24/11/2018. Xác định cháu Nguyễn T Dũng, sinh ngày 17/8/2003 đã trưởng thành nên ông Đ bà H không đề nghị xem xét. Hiện cháu T do ông Đ đang chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Nguyễn T H do bà H đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên toà hôm nay, ông Đ bà H đều thoả thuận: Giao hai con chung là cháu T và cháu H cho ông Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; mặt khác, cháu T cũng có nguyện vọng được ở với ông Đ. Xét thấy, sự thoả thuận về việc nuôi con khi ly hôn của ông Đ bà H phù hợp các Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Do ông Đ bà H không yêu xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Xét thấy, ông Đ bà H đều không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Đức Đ là nguyên đơn trong vụ án nên ông Đ phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56,81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Đức Đ được ly hôn với bà Vũ Thị H.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa ông Nguyễn Đức Đ và bà Vũ Thị H: Giao cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 21/4/2011 và cháu Nguyễn T H, sinh ngày 24/11/2018 cho ông Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đức Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T theo biên lai số: AA/2021/0005860, ngày 22/02/2023. Xác nhận ông Đ đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Đ bà H có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND thị xã T;
- VKSND thị xã tỉnh B;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND phường Ninh Xá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Xuân Hà**